

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42/2024/DS-ST**

Ngày: 20/8/2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc

Bà Phan Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 05 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 600/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Quý Đ, sinh năm 1957.

Địa chỉ thường trú: 157/80, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số A, đường X, ấp A, xã M, huyện V, Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2024, bản tự khai trong quá trình tố tụng vào các ngày 13/06/2024; 11/7/2024 nguyên đơn ông Phan Quý Đ trình bày:

Vào ngày 23/12/2019, ông có cho ông Lê Minh T vay số tiền 40.000.000 đồng để làm ăn với lãi suất vay là 4%/tháng. Ông T có viết giấy vay nợ tiền và

cam kết sẽ trả tiền gốc trong 06 tháng, còn tiền lãi thì đóng hàng tháng. Nhưng từ khi vay tiền cho đến nay, ông T sau khi nhận tiền cũng chưa trả cho ông khoản tiền lãi nào cũng như số tiền gốc đã mượn mặc cho ông đã đòi rất nhiều lần. Nay ông tuổi đã cao, người thân không có, không còn khả năng lao động để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân, hay đau yếu cần tiền chữa bệnh, nên số tiền nợ này đối với ông là rất quan trọng.

Việc ông T khai đã trả tiền cho ông và ông đã trả giấy vay nợ gốc nhưng làm thất lạc là không đúng vì giấy gốc ông còn giữ và đã giao nộp cho Tòa, có lưu tại hồ sơ vụ án.

Do ông Lê Minh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay ông Phan Quý Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh T phải trả lại cho ông số tiền gốc đã vay là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), ông không yêu cầu tính lãi suất.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, ông Lê Minh T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn ông Lê Minh T trong quá trình tham gia tố tụng trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 13/6/2024 và tại phiên tòa như sau:*

Ông T thừa nhận vào năm 2019, ông có vay của ông Phan Quý Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để làm nông nghiệp, nhưng do làm ăn không thành nên không có tiền trả. Việc vay tiền có viết giấy vay và do chính ông viết cũng như ký tên. Vào năm 2023, ông Đ có thuê người tới nhà ông đòi nợ, trong đó có người tên N. Do ông không có tiền trả liền nên đã hẹn anh N mấy ngày sau sẽ chuyển khoản. Sau đó ông đã trả tiền cho anh N thông qua tài khoản chuyển khoản của ông đồng thời đã nhận lại giấy vay tiền bản gốc, giấy này do sau khi nhận lại ông đã hủy đi nên không còn để cung cấp cho Tòa. Ông đề nghị Tòa án cho ông thời gian khoảng 10 ngày để ông cung cấp nội dung chuyển khoản thể hiện việc trả tiền cho ông Đ.

Tại phiên tòa, ông T khai nại ông không nhớ đã nhận lại giấy vay hay là do viết hai tờ giấy vay, nên ông Đ vẫn còn giữ một tờ. Ngoài ra, ông cũng không nhớ được ngày tháng chuyển khoản, không nhớ đã chuyển qua tài khoản cá nhân trực tiếp hay chuyển tiền qua dịch vụ thu hộ. Ông trình bày khi ông Đ cho người xuống nhà đòi tiền, ông và anh N (người của ông Đ) có ra Công an xã M để làm việc với nhau về việc trả tiền cho ông Đ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Ông đề nghị Tòa án xác minh nội dung ông đã thực hiện việc chuyển khoản cũng như nội dung đã làm việc với anh N tại địa phương nhưng lại không cung cấp được ngày tháng thực hiện, thông tin của người đã nhận tiền cũng như không nhớ đã chuyển khoản thông qua hình thức nào; không nhớ ngày tháng làm việc tại Công an xã, làm việc với ai, có lập biên bản làm việc hay không? Do đó tất cả những lời trình bày này đều không có căn cứ để xem xét, xét thấy chỉ nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thanh toán với ông Đ.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án*

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Minh T phải trả lại cho ông Phan Quý Đ số tiền vay nợ gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phan Quý Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về việc cho ông Lê Minh T vay tiền; nơi cư trú của ông T hiện nay theo xác minh của Công an M, huyện V là tại địa chỉ: nhà không số, ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn ông Phan Quý Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Nội dung đơn vắng mặt phù hợp quy định của pháp luật; ý chí của ông Đ khi làm đơn là tự nguyện, không bị ép buộc, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn cam kết không có tài liệu, chứng cứ nào khác và bị đơn tại phiên tòa cũng xác định không bổ sung thêm cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn; bị đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 23/12/2019, ông Phan Quý Đ có cho ông Lê Minh T vay số tiền 40.000.000 đồng để làm ăn với lãi suất vay là 4%/tháng. Ông T có viết giấy vay nợ tiền và cam kết sẽ trả tiền gốc trong 06 tháng, còn tiền lãi thì đóng hàng tháng. Nhưng từ khi vay tiền cho đến nay, ông T sau khi nhận tiền cũng chưa trả cho ông Đ khoản tiền nào bao gồm cả gốc và lãi nào. Sự việc phát sinh tranh chấp, nên ông Phan Quý Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh T phải trả lại cho ông số tiền gốc đã vay là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), ông không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ, bởi lẽ: Theo giấy vay tiền thể hiện ông T có vay của ông Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; giấy mời lên làm việc, ông T chấp hành lần đầu tiên, đề nghị Tòa án cho thời gian để cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng không cung cấp được đồng thời cũng bỏ mặc không tham gia đối với các

lần triệu tập làm việc, phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa trình bày quanh co, thiếu căn cứ, mâu thuẫn, thể hiện ông T mặc nhiên chấp nhận khoản nợ đồng thời từ bỏ luôn quyền tự chứng minh, cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông T có vay của ông Đ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Việc cho vay có lập giấy vay tiền nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên cần phải thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận. Ông Lê Minh T không trả tiền đúng như cam kết, nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả nợ vay gốc là có cơ sở, đúng với quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, nhận thấy việc ông Phan Quý Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Lê Minh T là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, cần tuyên buộc ông Lê Minh T phải trả cho ông Phan Quý Đ số tiền nợ vay gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Lê Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 243, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 465; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Quý Đ về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” với bị đơn là ông Lê Minh T.

Buộc ông Lê Minh T phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Quý Đ số tiền nợ vay gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí DS-ST: Ông Lê Minh T phải nộp tiền án phí là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Hồng